

Số: **1207/2018/QĐST-HNGĐ**

Biên Hòa, ngày 04 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1143/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2018, giữa:

- **Nguyên đơn: Ông Ngân Văn D**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện Ng, tỉnh Ngh.

Địa chỉ liên hệ: 969, Tổ 13, Khu phố 5A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

- **Bị đơn: Bà Lê Thị Th**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 969, Tổ 13, Khu phố 5A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Ngân Văn D và bà Lê Thị Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngân Văn D và bà Lê Thị Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Ngân Lê Minh H, sinh ngày 09/9/2011. Ly hôn, hai bên thống nhất giao cháu H cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng và ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Ông D được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Ông Ngân Văn D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự hòa giải thành là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng; Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 007291 ngày 11/05/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông D đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định của Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Ngh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Mộng Hà

